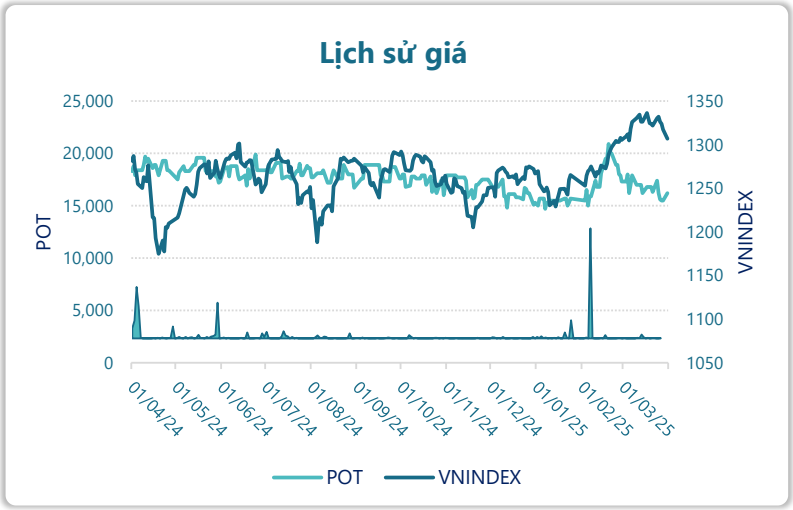
FireAnt

CTCP Thiết bị Bưu điện (HNX: POT)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,700
SL cổ phiếu LH	19,430,006
KLGD BQ 20 phiên (CP)	10,615
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	315
P/E	-57.9
EPS	-280

DT thuần

Q1/25

133

tỷ VNĐ

QoQ: ▼552| -80.6%

YoY: ▲ 37.4| 39.0%

LN sau thuế

Q1/25

-9.40

tỷ VNĐ

QoQ: ▼12.5| -403%

YoY: ▼9.47| -13525%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.9%

+/- YoY: ▼ 2.5%

DT thuần

2024

1,618

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 460| 39.8%

LN sau thuế

2024

3.36

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.75| 28.5%

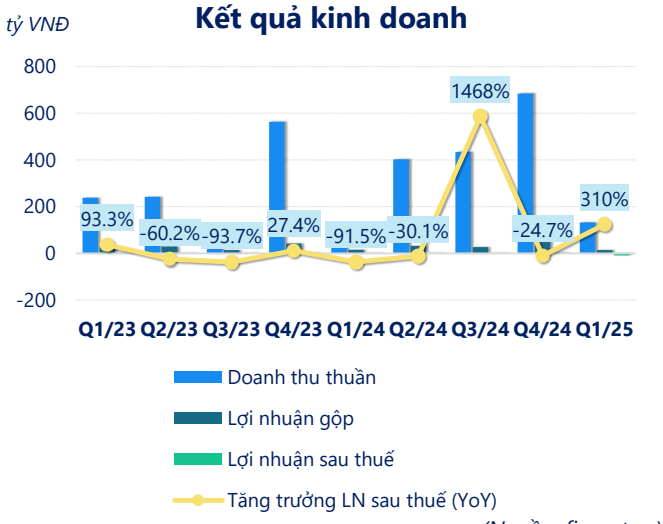
ROE

2024

1.1%

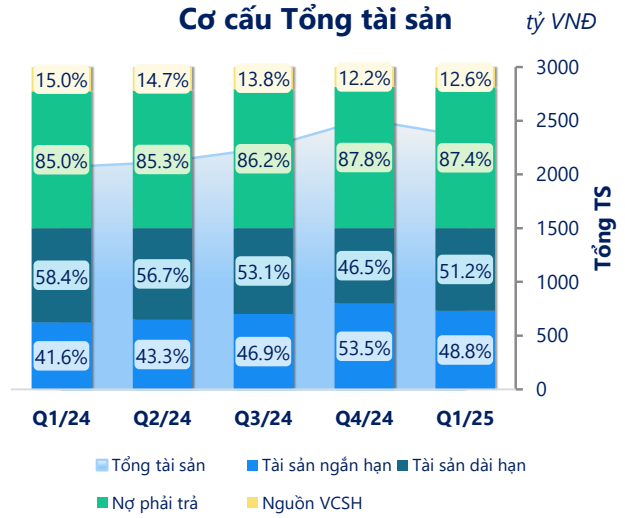
+/- YoY: ▲ 0.3%

Kết quả kinh doanh



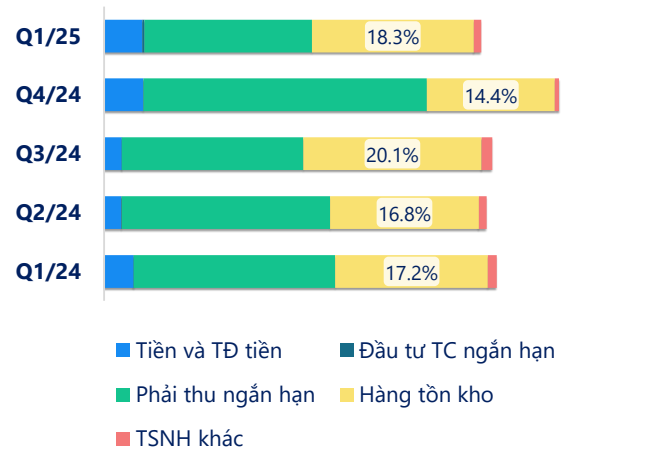
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



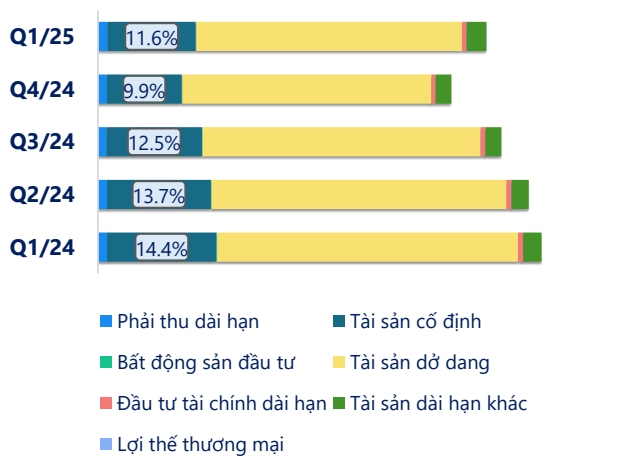
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



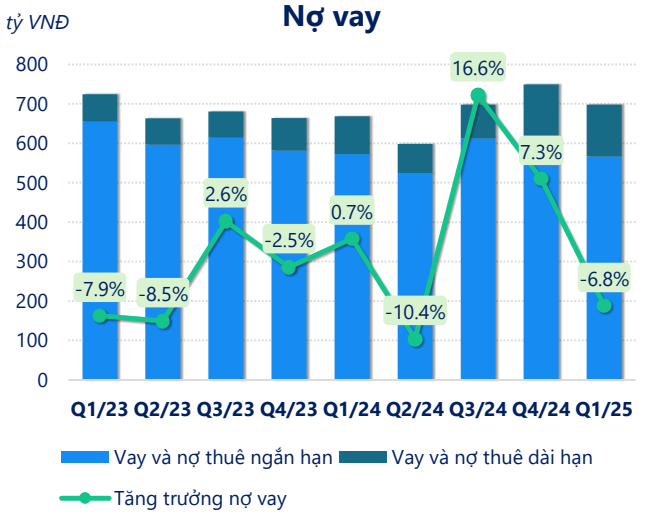
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



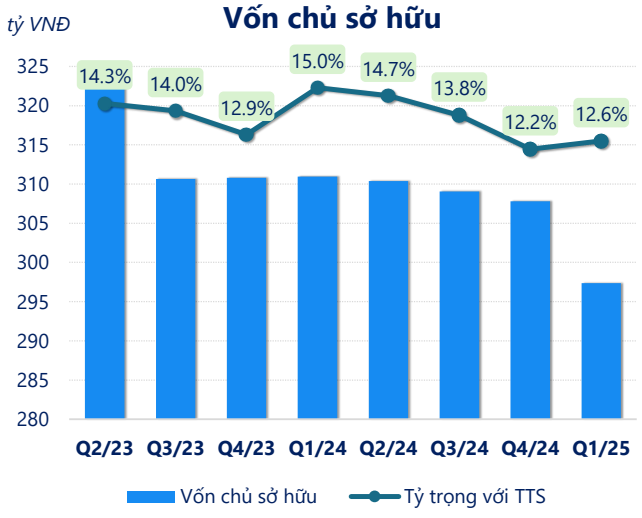
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



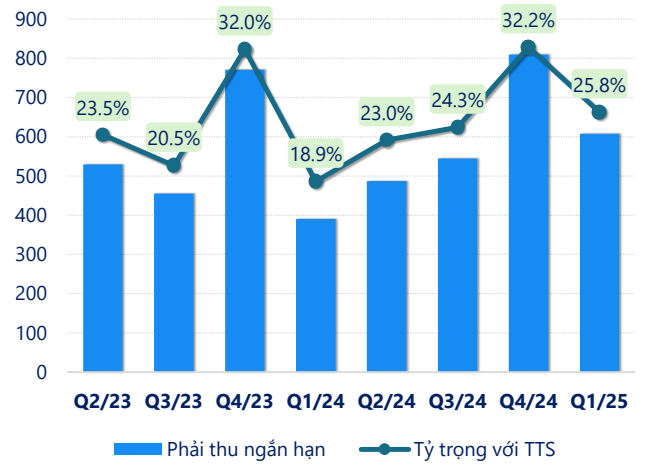
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



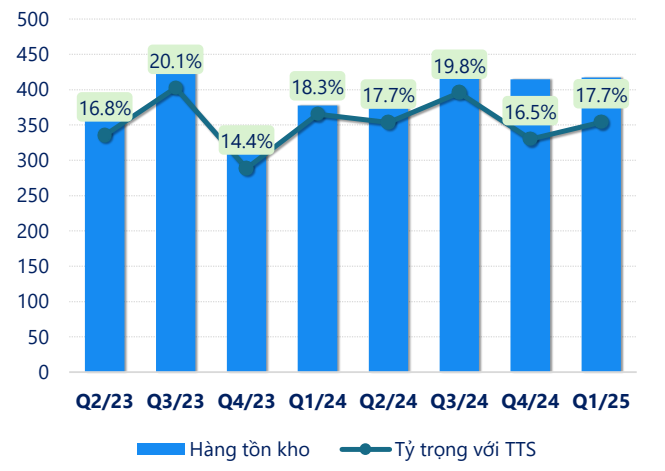
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



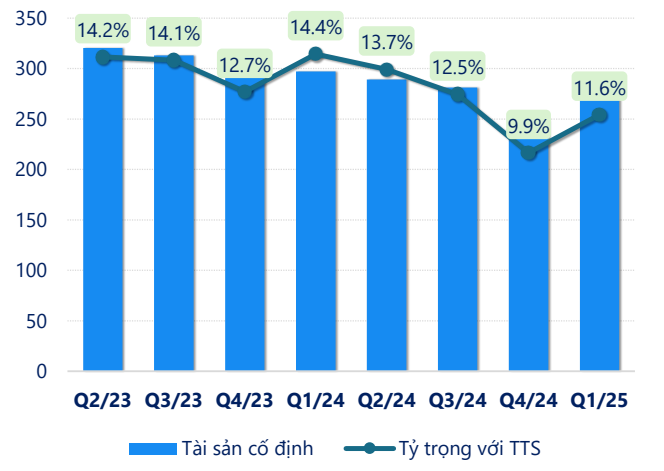
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



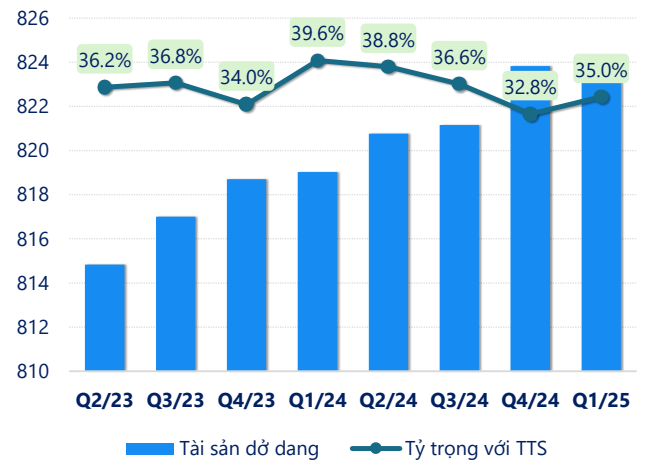
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



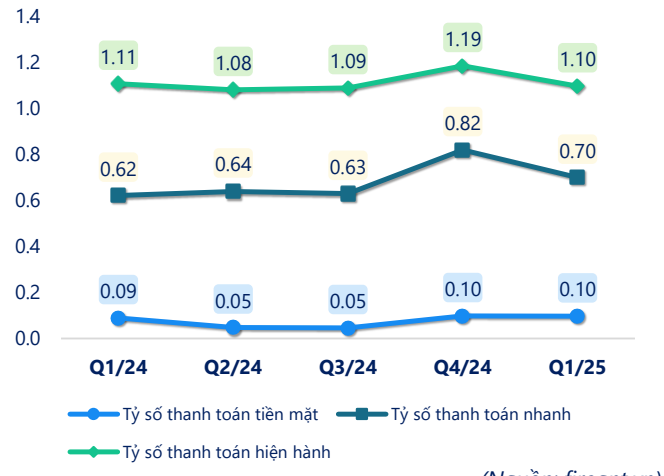
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



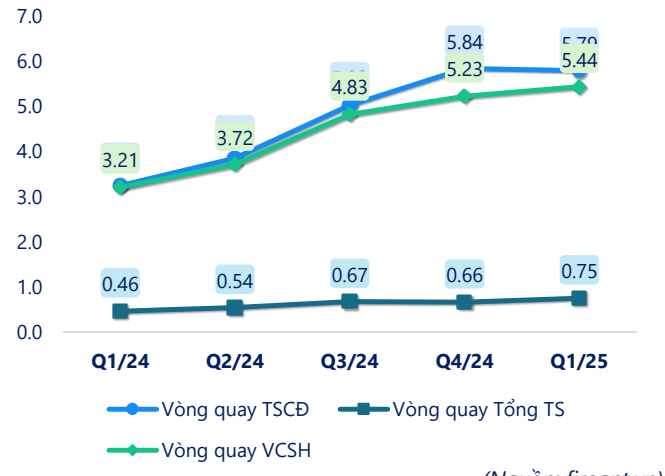
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**2,068**	**2,114**	**2,243**	**2,513**	**2,357**
Tài sản ngắn hạn	**861**	**916**	**1,052**	**1,344**	**1,151**
Tiền và tương đương tiền	69.3	40.9	44.5	111	101
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.12	5.14	0.07	0.07	5.15
Phải thu ngắn hạn	391	487	544	810	608
Hàng tồn kho	378	374	444	415	417
Tài sản ngắn hạn khác	17.6	9.25	19.1	8.49	20.0
Tài sản dài hạn	**1,207**	**1,199**	**1,191**	**1,169**	**1,205**
Phải thu dài hạn	25.2	25.3	25.4	28.8	29.4
Tài sản cố định	297	289	281	249	274
Bất động sản đầu tư	1.97	1.93	1.89	1.85	1.81
Tài sản dở dang	819	821	821	824	824
Đầu tư tài chính dài hạn	13.6	13.6	13.6	13.6	13.6
Tài sản dài hạn khác	50.4	48.0	47.6	51.8	62.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,757**	**1,804**	**1,934**	**2,205**	**2,059**
Nợ ngắn hạn	**777**	**847**	**966**	**1,134**	**1,049**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	573	525	613	569	567
Phải trả người bán ngắn hạn	132	270	301	502	436
Nợ dài hạn	980	957	968	1,071	1,010
Vay và nợ thuê dài hạn	95.2	74.0	85.2	181	132
Nguồn vốn chủ sở hữu	**311**	**310**	**309**	**308**	**297**
Vốn chủ sở hữu	**311**	**310**	**309**	**308**	**297**
Vốn điều lệ	194	194	194	194	194
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)